

TỔNG CÔNG
TY MÁY
ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY
NÔNG
NGHIỆP VIỆT
NAM - CTCP

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT
NAM - CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=TÂY
HỒ, CN=TỔNG CÔNG TY MÁY
ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:0100103866
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing position
here
Date: 2026-03-31 15:12:44
Foxit PhantomPDF Version:
10.0.1

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Phan Kim Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên
Bà Trần Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số: 151 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 46 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đang theo dõi một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị, cụ thể như sau:

- Nhà máy ô tô VEAM đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số mã hàng tồn kho là linh kiện chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị có giá gốc 165,5 tỷ đồng (dự phòng tương ứng 76,7 tỷ đồng) dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được xác định trên cơ sở tham khảo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với cả thành phẩm và linh kiện chậm luân chuyển cũng được trích lập trên cơ sở này); đồng thời, Nhà máy có một số mã hàng tồn kho là linh kiện chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị khoảng 2,7 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có giá trị khoảng 257 triệu đồng).
- Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu dự phòng giảm giá hàng tồn kho của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền khoảng 16,1 tỷ đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 với số tiền khoảng 5,8 tỷ đồng, đồng thời giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển chưa được đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi là 70,8 tỷ đồng).

Các thủ tục kiểm toán cần thiết đã được thực hiện; tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập/(hoàn nhập) trong năm 2025 và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho một số khoản đầu tư tại các công ty con (chi tiết tại Thuyết minh số 6 của Báo cáo tài chính riêng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị chi phí mua bản quyền công nghệ liên quan đến Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung đang được Tổng Công ty ghi nhận tại chi tiêu chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 53,5 tỷ đồng (Thuyết minh số 16 của Báo cáo tài chính riêng), trong đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng Công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện điều chỉnh và ghi khoản phải thu các cá nhân liên quan và chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được liệu có phải điều chỉnh khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, phải thu ngắn hạn khác và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến việc ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn của Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin về việc:

- Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng 31 tháng 12 năm 2025, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu các cá nhân liên quan phải thi hành án và khoản lãi chậm trả tương ứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Bản án số 580/2025/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán số 257/2025/UHY-BCKT đề ngày 24 tháng 3 năm 2025. Báo cáo phát hành với ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ do: (i) Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và (ii) ảnh hưởng của các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại công ty con đến dự phòng đầu tư tài chính dài hạn thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, như đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên đây.

Báo cáo tài chính riêng này được phát hành đồng thời cùng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; theo đó, người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Tổng Công ty.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán : 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.967.785.410.799	16.138.914.853.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	164.458.941.936	146.236.801.147
1. Tiền	111		53.226.815.909	69.199.980.184
2. Các khoản tương đương tiền	112		111.232.126.027	77.036.820.963
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	12.558.980.000.000	11.996.830.273.973
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.558.980.000.000	11.996.830.273.973
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.653.016.504.158	3.250.520.533.357
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	333.098.961.525	314.341.997.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	180.509.962.794	180.236.147.109
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.251.118.835.057	3.718.608.180.933
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.120.553.839.107)	(971.508.767.836)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	8.842.583.889	8.842.976.052
IV. Hàng tồn kho	140	12	509.602.220.365	664.182.012.127
1. Hàng tồn kho	141		904.010.120.658	1.176.052.212.659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(394.407.900.293)	(511.870.200.532)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.727.744.340	81.145.232.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.114.233.827	1.506.172.023
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.293.573.661	79.379.913.179
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	319.936.852	259.147.795
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.591.521.684.868	3.616.127.092.636
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.000.000	28.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	28.000.000	28.000.000
II. Tài sản cố định	220		354.901.052.091	388.674.138.991
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	305.118.813.927	340.197.666.304
- Nguyên giá	222		1.420.082.786.437	1.384.996.142.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.114.963.972.510)	(1.044.798.476.633)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	49.782.238.164	48.476.472.687
- Nguyên giá	228		54.535.286.266	52.570.286.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.753.048.102)	(4.093.813.579)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	54.064.037.687	55.644.448.639
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.064.037.687	55.644.448.639
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.153.375.317.612	3.142.752.943.576
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.656.119.550.877	2.656.119.550.877
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		707.098.071.180	707.098.071.180
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.001.060.828	11.001.060.828
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(220.843.365.273)	(231.465.739.309)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.153.277.478	29.027.561.430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	29.153.277.478	29.027.561.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.559.307.095.667	19.755.041.946.237

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		265.612.178.356	213.566.462.493
I. Nợ ngắn hạn	310		265.612.178.356	213.566.462.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	23.049.424.638	12.926.645.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	3.097.369.706	4.054.283.015
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	38.020.878.729	30.682.026.649
4. Phải trả người lao động	314		49.311.554.165	26.511.075.526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	12.166.973.691	11.485.815.085
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		125.880.784	101.720.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	56.550.286.142	38.853.105.668
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		703.837.538	91.325.705
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		82.585.972.963	88.860.465.775
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.293.694.917.311	19.541.475.483.744
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	20.293.732.872.368	19.541.513.438.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.005.732.872.368	6.253.513.438.801
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.460.969	111.222.123
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.005.725.411.399	6.253.402.216.678
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(37.955.057)	(37.955.057)
1. Nguồn kinh phí	431		(37.955.057)	(37.955.057)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.559.307.095.667	19.755.041.946.237



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	553.751.625.627	316.859.399.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		209.167.370	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		553.542.458.257	316.859.399.172
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	519.243.002.704	290.540.274.599
5. Lợi nhuận/ (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.299.455.553	26.319.124.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.497.635.691.308	6.531.800.949.631
7. Chi phí tài chính	22	28	(10.330.148.905)	(3.140.628.189)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	29	24.945.705.379	19.017.167.588
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	339.808.037.439	153.112.661.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.177.511.552.948	6.389.130.873.278
11. Thu nhập khác	31	30	2.020.568.442	4.705.289.762
12. Chi phí khác	32	31	28.887.668.262	2.182.679.579
13. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(26.867.099.820)	2.522.610.183
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.150.644.453.128	6.391.653.483.461
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	144.919.041.729	138.251.266.783
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		7.005.725.411.399	6.253.402.216.678



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.150.644.453.128	6.391.653.483.461
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	71.156.745.884	48.444.609.492
- Các khoản dự phòng	03	21.572.908.829	(31.923.782.118)
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	82.275.365	(84.284.685)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.496.368.129.483)	(6.530.109.547.540)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(252.911.746.277)	(122.019.521.390)
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	12.323.646.964	18.696.568.443
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	245.132.977.631	51.206.658.868
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.993.955.545	(35.297.624.866)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(65.793.336)	6.640.508.684
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(140.908.796.386)	(221.049.170.607)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(69.706.617.619)	(39.858.518.106)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(185.142.373.478)	(341.681.098.974)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.601.871.602)	(3.978.812.940)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.462.979.202.775)	(18.608.727.245.727)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17.905.139.419.681	18.498.569.026.549
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.958.281.965.954	7.206.783.787.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.391.840.311.258	7.092.646.755.424
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.188.443.861.662)	(6.689.779.883.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.188.443.861.662)	(6.689.779.883.934)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.254.076.118	61.185.772.516
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	146.236.801.147	84.989.168.332
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(31.935.329)	61.860.299
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	164.458.941.936	146.236.801.147



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 07 năm 2024. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công Thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 646 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 657 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thống dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Chế độ hạch toán
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc
2	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Số 284, đường Bình Minh phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	Hạch toán phụ thuộc
3	Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá.	Hạch toán độc lập
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đức	Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, đường Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh.	Hạch toán độc lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực. Bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp
2	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Thái Nguyên	51,00	51,00	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ
3	Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Thành phố Hà Nội	53,66	53,66	Vận tải hàng hóa đường bộ
4	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường bộ
5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (i)	Thành phố Hà Nội	51,00	51,99	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00	55,00	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe cộ động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Bắc Ninh và Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00	100,00	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Đồng Nai	100,00	100,00	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa.
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00	89,00	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty CP Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00	59,93	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên kết					
1	Công ty CP Nakycor	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00	49,00	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty CP Cơ khí An Giang	An Giang	47,41	47,41	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
3	Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Thành phố Hà Nội	29,01	29,01	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Vĩnh Phúc	30,00	30,00	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Vĩnh Phúc	20,00	20,00	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty CP Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	19,46	21,23	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.
- (iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- (a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- (b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên phân phối lợi nhuận còn lại của năm hiện tại trước khi phân phối lợi nhuận của các năm trước đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 23/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản hỗ trợ vốn

Các khoản hỗ trợ vốn là các khoản hỗ trợ cho các công ty con và công ty liên doanh liên kết theo các hợp đồng có lãi suất từ 0%/năm đến 5%/năm, được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản hỗ trợ vốn và phải thu lãi hỗ trợ vốn quá hạn của Tổng Công ty được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 14

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

Địa điểm	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất tại lô D, Khu D1, Tây Hồ, Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn VEAM Cửa Lò	Lâu dài

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, chi phí đề tài nghiên cứu khoa học và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị thương hiệu: được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất và thuê văn phòng: thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí đề tài nghiên cứu khoa học: là chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm kể từ ngày nghiệm thu chi phí đề tài đó.

Các khoản chi phí trả trước khác: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương tháng thứ mười ba, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là:

- Bộ Công Thương: Cổ đông chiếm 88,47% vốn điều lệ của Tổng Công ty
- Các công ty con, liên kết: như trình bày tại mục 1 - Thông tin khái quát - Cấu trúc doanh nghiệp;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát: Lãnh đạo chủ chốt;
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mễ Linh - Công ty con của Viện Công nghệ - Công ty con của Tổng Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	255.973.471	388.110.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.970.842.438	68.811.870.100
Các khoản tương đương tiền (i)	111.232.126.027	77.036.820.963
Cộng	164.458.941.936	146.236.801.147

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	955.000.000.000	955.000.000.000	1.541.000.000.000	1.541.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.129.000.000.000	1.129.000.000.000	1.568.000.000.000	1.568.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.828.000.000.000	7.828.000.000.000	6.293.000.000.000	6.293.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.478.000.000.000	2.478.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh	69.950.000.000	69.950.000.000	81.930.000.000	81.930.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	79.030.000.000	79.030.000.000	49.800.000.000	49.800.000.000
Ngân hàng TMCP TMCP Đông Nam Á	-	-	2.380.000.000.000	2.380.000.000.000
Các Ngân hàng khác	20.000.000.000	20.000.000.000	26.100.273.973	26.100.273.973
Cộng	12.558.980.000.000	12.558.980.000.000	11.996.830.273.973	11.996.830.273.973

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 6,65%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,2% đến 8,8%/năm);

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	50.015.670.456	-	(ii)	50.015.670.456	-	(ii)
Công ty CP Cơ khí Phở Yên	22.810.192.474	-	6.981.900.000	22.810.192.474	-	6.981.900.000
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	295.794.759	-	(ii)	295.794.759	-	(ii)
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	-	-	(ii)	-	-	(ii)
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (iii)	127.576.996.194	-	(ii)	127.576.996.194	-	(ii)
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	60.825.843.242	-	159.650.679.000	60.825.843.242	-	186.908.112.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	95.960.790.920	95.960.790.920	(ii)	95.960.790.920	95.960.790.920	(ii)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (iv)	284.301.038.861	93.667.789.763	(ii)	284.301.038.861	94.597.242.388	(ii)
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.489.915.335.079	-	(ii)	1.489.915.335.079	-	(ii)
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	347.000.000.000	6.157.989.449	(ii)	347.000.000.000	15.159.459.764	(ii)
Viện Công nghệ (v)	160.145.083.264	13.746.287.702	(ii)	160.145.083.264	14.437.738.798	(ii)
Veam Korea Corporation (vi)	16.512.996.840	-	(ii)	16.512.996.840	-	(ii)
Công ty CP Cơ khí Vinh	759.808.788	759.808.788	(ii)	759.808.788	759.808.788	(ii)
Cộng	2.656.119.550.877	210.292.666.622		2.656.119.550.877	220.915.040.658	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Nakycor	10.550.698.651	10.550.698.651	(ii)	10.550.698.651	10.550.698.651	(ii)
Công ty CP Cơ khí An Giang	23.823.075.776	-	(ii)	23.823.075.776	-	(ii)
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ (vii)	9.467.051.066	-	(ii)	9.467.051.066	-	(ii)
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	-	(ii)	359.311.428.087	-	(ii)
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	-	(ii)	287.776.054.812	-	(ii)
Công ty CP Matexim Hải Phòng	16.169.762.788	-	(ii)	16.169.762.788	-	(ii)
Cộng	707.098.071.180	10.550.698.651		707.098.071.180	10.550.698.651	
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Kumba	11.001.060.828	-	(ii)	11.001.060.828	-	(ii)
Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	(ii)	-	-	(ii)
Cộng	11.001.060.828	-		11.001.060.828	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong năm 2025 như sau:

	Kết quả hoạt động kinh doanh	
	Năm nay	Năm trước
Tình hình hoạt động của công ty con		
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Lãi	Lãi
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Lãi	Lãi
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Lãi	Lãi
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Lãi	Lỗ
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Lãi	Lỗ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Lãi	Lãi
Viện Công nghệ	Lãi	Lỗ
Veam Korea Corporation	Lỗ	Lỗ
Công ty CP Cơ khí Vinh	Lỗ	Lỗ
Tình hình hoạt động của công ty liên kết		
Công ty CP Nakycos	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí An Giang	Lãi	Lãi
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Lãi	Lãi
Công ty Honda Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty CP Matexim Hải Phòng	Lỗ	Lỗ
Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư khác		
Công ty CP Kumba (viii)		
Công ty TNHH Mekong Auto (viii)		

Ghi chú:

- (ii) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Giá giao dịch trên thị trường Upcom của cổ phiếu được xác định như sau: Đối với cổ phiếu của Tổng Công ty trên thị trường Upcom, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (iii) Tổng Công ty chưa trích lập tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ ("Matexim") do Công ty con không điều chỉnh Báo cáo tài chính theo các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 1002/2026/BCKT/BCTC/AICAHANOI ngày 10 tháng 02 năm 2026 về Báo cáo tài chính năm 2025 của Matexim, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị khoảng 493,18 tỷ đồng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 các khoản chi phí này có giá trị khoảng 481,8 tỷ đồng.
- (iv) Tổng Công ty chưa trích lập bổ sung tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo ("VEAMTHD") theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 030/VACO/BCKIT.NV2 ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Báo cáo tài chính năm 2025 của VEAMTHD, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 41,4 tỷ đồng, hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 8,5 tỷ đồng (chủ yếu là các hàng tồn kho phát sinh từ trước thời điểm Công ty mẹ thực hiện Cổ phần hóa), chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá trị này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có giá trị lần lượt khoảng 40,1 tỷ đồng và 10 tỷ đồng.
- (v) Tổng Công ty chưa trích lập bổ sung tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Viện Công nghệ theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 089/VACO/BCKIT.NV2 ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Báo cáo tài chính năm 2025 của Viện Công nghệ, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 3,2 tỷ đồng, hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 0,98 tỷ đồng, chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; khoản chi phí tiền lương trả thừa chưa ghi nhận số tiền khoảng 1,4 tỷ đồng (giá trị này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có giá trị lần lượt khoảng 4,1 tỷ đồng; 1,4 tỷ đồng và 1,8 tỷ đồng).
- (vi) Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 và khoản 4 Điều 3 Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 08/8/2019 hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng, các doanh nghiệp không trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư ra nước ngoài, do đó Tổng Công ty không trích lập tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Veam Korea Corporation.
- (vii) Tổng Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Quận Tây Hồ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ.
- (viii) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kumba và Công ty TNHH Mekong Auto cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	51.084.666.230	12.487.544.263	29.260.523.510	12.501.544.263
Công ty STD, Inc (Hoa Kỳ)	6.447.874.379	6.447.874.379	6.447.874.379	6.447.874.379
Công ty TNHH Hyosung Vina	-	-	3.052.624.222	-
Công ty Thương mại ĐT-KT thông tin	2.856.982.672	2.856.982.672	2.856.982.672	2.856.982.672
Các đối tượng khác	41.779.809.179	3.182.687.212	16.903.042.237	3.196.687.212
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	282.014.295.295	275.327.792.170	285.081.473.589	276.499.061.954
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	63.363.229.532	63.363.229.532	64.099.339.995	64.099.339.995
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Chi nhánh tại Đà Nẵng)	13.205.936.501	13.205.936.501	13.205.936.501	13.205.936.501
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	69.295.040.391	69.295.040.391	69.395.639.712	69.395.639.712
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.386.087.086	22.386.087.086	22.476.087.086	22.476.087.086
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam	9.564.814.914	2.878.311.789	11.570.283.424	2.987.871.789
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh (Viện Công nghệ)	675.920.500	675.920.500	775.920.500	775.920.500
Công ty CP Cơ khí Vinh	5.967.364.958	5.967.364.958	5.967.364.958	5.967.364.958
Công ty CP NAKYCO	2.150.499.976	2.150.499.976	2.185.499.976	2.185.499.976
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437
Cộng	333.098.961.525	287.815.336.433	314.341.997.099	289.000.606.217

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.330.234.525	1.400.000.000	4.056.418.840	1.700.000.000
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling (i)	1.400.000.000	1.400.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Du lịch Mặt trời Việt	939.600.000	-	939.600.000	-
Các đối tượng khác	1.990.634.525	-	1.416.818.840	-
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	176.179.728.269	176.179.728.269	176.179.728.269	41.153.879.039
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO (ii)	169.609.728.269	169.609.728.269	169.609.728.269	34.583.879.039
CN Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty CP Nakycos	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	180.509.962.794	177.579.728.269	180.236.147.109	42.853.879.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)Ghi chú:

- (i) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 VND. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội chuyển cho Tổng Công ty số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 VND. Trong năm, khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 300.000.000 VND.
- (ii) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 VND và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 VND. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty. Ngày 29 tháng 3 năm 2023, Tổng Công ty đã nộp Đơn khởi kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và các đối tượng khác có liên quan và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2023 đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội. Công ty cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Theo đơn khởi kiện, Tổng Công ty yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng 16, Đơn hàng 15 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu với kiến nghị MAC phải hoàn trả Tổng Công ty khoản tiền tạm ứng của Đơn hàng 15 là 160.097.982.240 VND, chấp nhận việc Tổng Công ty hoàn trả cho MAC số tiền 32.963.700.000 VND tương ứng 239 xe thành phẩm Tổng Công ty đã nhận bàn giao, như vậy sau khi khấu trừ, MAC còn phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 127.134.282.240 VND. Đồng thời Tổng Công ty đã đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1261 bộ linh kiện xe Changan.

Liên quan đến Hợp đồng 16 và Đơn hàng 15, Tổng Công ty cũng đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội ("Sacombank"), yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng cầm cố số 0118102017/HDCC (VEAM cầm cố giấy tờ có giá với tổng giá trị là 150.000.000.000 VND, bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 020035491791/HĐTG-SACOMBANK-VEAM; và Hợp đồng tiền gửi số 020043150007/HĐTG-SACOMBANK-VEAM để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đối với Hợp đồng mua bán số 2017CA0220HB mà Chi nhánh này ký với đối tác Changan International Corporation để mua 1.500 bộ linh kiện để lắp ráp xe ô tô cho Đơn hàng 15 nêu trên với thỏa thuận thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang và Hợp đồng Quản lý tài khoản chuyên dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên xét xử đầu tiên ngày 22 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a1) Phải thu khác ngắn hạn	518.865.175.977	16.153.749.331	519.443.453.858	3.594.830.000
Tạm ứng	925.035.485	560.000.000	964.576.478	-
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	489.609.028.138	-	490.569.735.940	-
Phải thu về cổ phần hóa (i)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
Thuế nhà thầu của hợp đồng VEAM-ZIBO (cabin) (ii)	957.390.582	-	957.390.582	-
Nhà máy sản Yên Thành	11.630.810.523	11.630.810.523	11.630.810.523	-
Các đối tượng khác	5.578.614.884	3.962.938.808	5.156.643.970	3.594.830.000
a2) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	3.732.253.659.080	639.005.025.074	3.199.192.727.075	636.059.452.580
Các khoản phải thu tiền hỗ trợ vốn				
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	-	-	1.071.460.000	1.071.460.000
Công ty CP Vận tải & Thương mại VEAM (iii)	121.126.919.286	121.126.919.286	123.181.767.727	123.181.767.727
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	273.347.837.417	273.347.837.417	273.547.837.417	273.547.837.417
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	22.525.009.550	22.525.009.550	23.753.917.460	23.753.917.460
Công ty CP Cơ khí Vinh	8.471.938.310	8.471.938.310	8.471.938.310	8.471.938.310
Công ty CP NAKYCO	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210
Công ty CP Matexim Hải Phòng	82.000.000.000	82.000.000.000	83.150.000.000	83.150.000.000
Phải thu lãi hỗ trợ vốn (*)				
Công ty CP Matexim Hải Phòng	34.234.914.328	34.234.914.328	34.234.914.328	32.887.947.904
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Matexim)	30.929.912.783	30.929.912.783	30.929.912.783	30.929.912.783
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM (iii)	6.927.195.494	6.927.195.494	6.927.195.494	3.511.092.781
Công ty CP Cơ khí Vinh	5.231.146.672	4.573.211.301	4.834.068.084	4.269.590.958
Công ty CP NAKYCO	1.458.768.759	1.341.942.117	1.388.261.289	1.280.074.826
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	2.533.973.321	2.443.884.396	2.500.921.363	2.370.996.370
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	4.079.344.048	4.079.344.048	4.079.344.048	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia				
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	92.745.716.628	-	-	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	22.266.600.000	22.266.600.000	22.266.600.000	22.266.600.000
Công ty CP NAKYCO	200.903.500	200.903.500	200.903.500	200.903.500
Công ty CP Phụ tùng Máy số 1	20.022.531.498	-	-	-
Công ty Honda Việt Nam	2.965.882.062.210	-	2.539.726.799.996	-
Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	11.879.879.104	11.879.879.104	12.479.879.104	12.479.879.104
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.268.468.804	8.268.468.804	8.298.468.804	8.298.468.804
Phải thu khác				
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam (iv)	13.733.472.732	-	13.733.472.732	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	977.380.322	977.380.322	977.380.322	977.380.322
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	37.104.104	37.104.104	37.104.104	37.104.104
b) Phải thu khác dài hạn	28.000.000	-	28.000.000	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	28.000.000	-	28.000.000	-
Cộng	4.251.146.835.057	655.158.774.405	3.718.636.180.933	639.654.282.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)Ghi chú:

- (*) Trong những năm trước năm 2014, Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng hỗ trợ vốn với các công ty con và công ty liên doanh liên kết, lãi hỗ trợ vốn đã được ghi nhận đến ngày 31/12/2014 (bao gồm khoản lãi hỗ trợ vốn ghi nhận bổ sung trong năm 2024 với số tiền 9.216.513.359 VND theo Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ). Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty mẹ đã dừng ghi nhận lãi hỗ trợ vốn từ các công ty này. Lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2025 theo các điều khoản của hợp đồng vẫn được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo quy định, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn cho giai đoạn này vào doanh thu tài chính do theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì khoản lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2025 chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính.
- (i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Khoản phải thu tiền thuế nhà thầu đã nộp 957.390.582 VND, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tổng Công ty không phải nộp số tiền thuế này, do đó Tổng Công ty sẽ được Cục thi hành án hoàn trả sau khi thu hồi lại từ cơ quan thuế.
- (iii) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là "VETRANCO") tổng số tiền 182.902.675.710 VND. Đồng thời, VETRANCO có trách nhiệm hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 137.851.530.220 VND. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường và VETRANCO đang tiếp tục trả nợ Tổng Công ty.
- (iv) Khoản phải thu về vốn đã cấp tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐQT ngày 19/9/2018 và Quyết định số 42/QĐ-HĐQT của HĐQT về điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam.

10. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Hàng tồn kho	8.245.301.940	8.245.694.103
Tài sản cố định	597.281.949	597.281.949
Cộng (*)	8.842.583.889	8.842.976.052

Ghi chú:

(*) Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Biên bản kiểm kê ngày 23 tháng 01 năm 2017 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và Biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2020. Hàng tồn kho và tài sản cố định tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty kiểm kê phát hiện thiếu 4.480.227.657 VND tại ngày 31/12/2025 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.493.764.928 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

10. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ (TIẾP THEO)

(*) Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê (Tiếp theo):

- Biên bản kiểm kê ngày 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10/01/2022 về công tác kiểm kê năm 2021; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 về công tác kiểm kê năm 2022 của Nhà máy Ô tô VEAM; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23/01/2024 và Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23/01/2024 của Nhà máy ô tô VEAM. Hàng tồn kho kiểm kê phát hiện thiếu tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 4.362.356.232 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.349.211.124 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
a) Phải thu khách hàng	287.815.336.433	-		289.000.606.217	-	
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	63.363.229.532	-	trên 3 năm	64.099.339.995	-	trên 3 năm
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Chi nhánh tại Đà Nẵng)	13.205.936.501	-	trên 3 năm	13.205.936.501	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	69.295.040.391	-	trên 3 năm	69.395.639.712	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.386.087.086	-	trên 3 năm	22.476.087.086	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam	2.878.311.789	-	trên 3 năm	2.987.871.789	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh (Viện Công nghệ)	675.920.500	-	trên 3 năm	775.920.500	-	trên 3 năm
Công ty CP Cơ khí Vinh	5.967.364.958	-	trên 3 năm	5.967.364.958	-	trên 3 năm
Công ty CP NAKYCO	2.150.499.976	-	trên 3 năm	2.185.499.976	-	trên 3 năm
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	-	trên 3 năm	93.233.179.437	-	trên 3 năm
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	-	trên 3 năm	2.172.222.000	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	12.487.544.263	-	trên 3 năm	12.501.544.263	-	trên 3 năm
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	177.579.728.269	-		177.879.728.269	135.025.849.230	
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO	169.609.728.269	-	trên 3 năm	169.609.728.269	135.025.849.230	trên 3 năm
CN Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	-	trên 3 năm	6.500.000.000	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling	1.400.000.000	-	trên 3 năm	1.700.000.000	-	trên 3 năm
Công ty CP Nakycos	70.000.000	-	trên 3 năm	70.000.000	-	trên 3 năm
c) Phải thu khác ngắn hạn	656.263.625.343	1.104.850.938		649.299.284.347	9.645.001.767	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.268.468.804	-	trên 3 năm	8.298.468.804	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	11.879.879.104	-	trên 3 năm	12.479.879.104	-	trên 3 năm
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	22.266.600.000	-	trên 3 năm	22.266.600.000	-	trên 3 năm
Các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn	594.371.284.178	864.850.938	trên 3 năm	599.575.862.513	9.645.001.767	trên 3 năm
Các đối tượng khác	19.477.393.257	240.000.000	từ 2 đến trên 3 năm	6.678.473.926	-	trên 3 năm
Cộng	1.121.658.690.045	1.104.850.938		1.116.179.618.833	144.670.850.997	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	9.545.257.684	-	48.248.093	-
Nguyên liệu, vật liệu	102.246.746.860	(30.708.708.348)	77.525.186.455	(31.408.817.340)
Công cụ, dụng cụ	11.233.951.315	(3.674.619.297)	38.793.902.279	(3.991.551.404)
Chi phí sản xuất dở dang	25.348.191.369	-	21.112.637.029	-
Thành phẩm	585.663.953.306	(305.102.258.999)	825.602.215.038	(421.409.142.486)
Hàng hóa	159.528.249.623	(51.111.182.316)	160.166.355.710	(38.354.224.665)
Hàng gửi bán	10.443.770.501	(3.811.131.333)	52.803.668.055	(16.706.464.637)
Cộng	904.010.120.658	(394.407.900.293)	1.176.052.212.659	(511.870.200.532)

Ghi chú:

(i) Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá trị ước tính tài sản tại Chứng thư thẩm định giá số 093/2025/1325/CT-VALUINCO/BAN2 ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 093/2025/1325/BC-VALUINCO/BAN2 do Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc tế phát hành tại Văn phòng Công ty mẹ là 16.187.728.146 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích lập trên cơ sở giá trị ước tính tài sản tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá tháng 11 năm 2023 là 5.836.559.393 VND);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là linh kiện tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM trích lập trên cơ sở tham khảo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 là 76.724.442.759 VND (tại 31 tháng 12 năm 2024 trích lập dựa trên cơ sở chứng thư nêu trên là 79.455.650.804 VND);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là xe ô tô tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM được trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại hồ sơ phê duyệt giá đấu thầu lần 10 ngày 04 tháng 11 năm 2025 là 300.706.296.978 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 là 426.132.396.197 VND);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Chi nhánh Nhà máy Đức căn cứ cơ sở đơn giá bán phế liệu là 789.432.410 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 445.594.138 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM với số tiền 2.745.858.490 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 257.514.100 VND)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty có hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 70.856.245.957 VND.

(ii) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 149.377.860.899 VND do tiêu thụ được một số mặt hàng chậm luân chuyển đã được trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho của các năm trước (chủ yếu tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM), và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho bổ sung số tiền 25.735.162.995 VND (trong đó tại Văn phòng Công ty mẹ là 10.621.400.288 VND, tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM là 15.113.762.707 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	1.114.233.827	1.506.172.023
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	539.505.939	754.568.135
Các khoản bảo hiểm và lệ phí	261.958.311	216.562.500
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	312.769.577	535.041.388
Dài hạn	29.153.277.478	29.027.561.430
Chi phí thuê đất, văn phòng (i)	11.718.053.897	13.660.280.083
Giá trị thương hiệu (ii)	3.340.879.623	6.430.714.263
Công cụ dụng cụ, vận chuyển	4.737.648.416	3.996.394.281
Chi phí sửa chữa, cải tạo	7.102.716.087	2.915.371.524
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.253.979.455	2.024.801.279
Cộng	30.267.511.305	30.533.733.453

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất bao gồm tiền thuê đất tại văn phòng số 90-92 Trần Bình Trọng, thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15/04/2028; tiền thuê đất cùng tài sản có sẵn trên đất từ đến ngày 01/09/2025 theo hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27/09/2024 và tiền thuê đất trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất số 30/HĐTD.05 ngày 28 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận và Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Khoản mục này đã được điều chuyển từ Công ty TNHH MTV Đức máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và được Chi nhánh ghi nhận theo Biên bản bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư ngày 20/9/2012 giữa Tổng Công ty và Chi nhánh.
- (ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	600.482.044.894	741.375.671.251	35.671.461.221	5.616.165.571	1.850.800.000	1.384.996.142.937
- Mua trong năm	-	771.841.066	-	-	-	771.841.066
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	5.966.129.630	-	1.439.558.434	-	7.405.688.064
- Tăng khác (i)	-	-	-	-	26.909.114.370	26.909.114.370
Tại ngày cuối năm	600.482.044.894	748.113.641.947	35.671.461.221	7.055.724.005	28.759.914.370	1.420.082.786.437
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	354.105.909.299	650.947.801.694	32.342.491.366	5.551.474.274	1.850.800.000	1.044.798.476.633
- Khấu hao trong năm	24.165.815.109	17.610.670.318	1.066.391.883	413.504.197	26.909.114.370	70.165.495.877
Tại ngày cuối năm	378.271.724.408	668.558.472.012	33.408.883.249	5.964.978.471	28.759.914.370	1.114.963.972.510
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	246.376.135.595	90.427.869.557	3.328.969.855	64.691.297	-	340.197.666.304
Tại ngày cuối năm	222.210.320.486	79.555.169.935	2.262.577.972	1.090.745.534	-	305.118.813.927

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 579.399.793.590 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 503.075.361.046 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.909.114.370 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 0 VND).

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 51.837.442.814 VND (giá trị còn lại: 5.534.130.279 VND), nguyên giá tài sản cố định hỏng đang sử dụng là 4.650.005.666 VND (giá trị còn lại: 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Là giá trị của 305 bộ khuôn dập chi tiết của cabin ô tô mua sắm tại nhiều thời điểm khác nhau từ năm 2005 đến năm 2011. Các bộ khuôn này được lãnh đạo Tổng Công ty các giai đoạn trước mua với hành vi trái quy định của pháp luật, thực hiện mua sắm chưa đúng, chưa đầy đủ, gây thiệt hại lãng phí cho nhà nước. Theo Bản án số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho Tổng Công ty là 13.604.363.700 VND (số đã làm tròn), bên cạnh đó, theo kiến nghị của Công an thành phố Hà Nội liên quan đến vụ việc này và theo Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định 305 bộ khuôn dập này là tài sản cố định, do đó Công ty ghi nhận tăng tài sản và trích khấu hao bổ sung theo thời điểm nhập mua. Tài sản là máy dập đang được theo dõi tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM, các khuôn dập này chưa được Văn phòng Tổng Công ty bàn giao cho Nhà máy ô tô VEAM.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	50.914.485.243	1.571.301.023	84.500.000	52.570.286.266
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.965.000.000	-	1.965.000.000
Tại ngày cuối năm	50.914.485.243	3.536.301.023	84.500.000	54.535.286.266
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	2.438.012.556	1.571.301.023	84.500.000	4.093.813.579
- Khấu hao trong năm	181.067.856	478.166.667	-	659.234.523
Tại ngày cuối năm	2.619.080.412	2.049.467.690	84.500.000	4.753.048.102
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	48.476.472.687	-	-	48.476.472.687
Tại ngày cuối năm	48.295.404.831	1.486.833.333	-	49.782.238.164

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 VND đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 1.655.801.023 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.655.801.023 VND).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà tập thể nhà máy ô tô VEAM	159.363.000	159.363.000
Dự án máy kéo 4 bánh hạng trung (i)	53.507.597.654	53.507.597.654
Chi phí đầu tư phần mềm, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các chi phí khác	397.077.033	1.977.487.985
Cộng	54.064.037.687	55.644.448.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05 tháng 7 năm 2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 VND cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HDQT ngày 26/06/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM là 48.943.720.130 VND, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 VND. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án “Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung” đã được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan bồi thường khoảng 3 tỷ đồng từ các năm trước.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	22.253.269.356	22.253.269.356	12.737.884.293	12.737.884.293
Shanxi Victory Automobile Manufacturing Co., Ltd	6.524.381.571	6.524.381.571	-	-
Công ty TNHH Thương mại Lưu Dương	-	-	1.228.369.500	1.228.369.500
Công ty sắt Cao Bằng (Công ty Đức 1)	637.516.891	637.516.891	637.516.891	637.516.891
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Ô tô Miền Trung	2.303.719.402	2.303.719.402	-	-
Các đối tượng khác	12.787.651.492	12.787.651.492	10.871.997.902	10.871.997.902
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	796.155.282	796.155.282	188.760.777	188.760.777
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	-	-	17.388.836	17.388.836
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	704.836.452	704.836.452	171.371.941	171.371.941
Công ty Cổ phần Vật tư và thiết bị Toàn Bộ	65.100.750	65.100.750	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	26.218.080	26.218.080	-	-
Cộng	23.049.424.638	23.049.424.638	12.926.645.070	12.926.645.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Ôtô HUAN TAO	1.464.331.174	1.464.331.174
Công ty CP Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
Công ty CP Nguyễn Gia Phát	50.000.000	190.430.000
Công ty CP Kim Hoàng Hào - CN Đà Nẵng	-	137.611.100
Các đối tượng khác	637.478.091	1.316.350.300
Cộng	3.097.369.706	4.054.283.015

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp/thu đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số phải nộp/thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	49.069.104	13.759.225.119	8.698.237.057	5.110.057.166
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.785.935.232	11.785.935.232	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	68.434.776	68.434.776	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.938.513.021	9.938.513.021	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.453.943.511	144.919.041.729	140.908.796.386	26.464.188.854
Thuế thu nhập cá nhân	3.445.192.836	23.761.991.025	25.475.634.550	1.731.549.311
Thuế tài nguyên	2.759.400	70.206.400	64.944.200	8.021.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	797.943.757	797.943.757	-
Các loại thuế khác	4.731.061.798	88.039.329	112.039.329	4.707.061.798
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	30.682.026.649	205.197.330.388	197.858.478.308	38.020.878.729
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	259.147.795	3.838.986	12.150.116	275.136.897
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	44.799.955	44.799.955
Cộng	259.147.795	3.838.986	56.950.071	319.936.852

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoa hồng, bảo dưỡng	138.159.191	133.759.191
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, kho bãi (i)	9.785.496.579	9.785.496.579
Trích trước các chi phí khác	2.243.317.921	1.566.559.315
Cộng	12.166.973.691	11.485.815.085

Ghi chú:

- (i) Khoản chi phí phải trả liên quan đến Hợp đồng dịch vụ vận chuyển ô tô tải số 20181230269/TCGc-VM ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG và Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Nhà máy đã gửi các Văn bản số 117/CV-VM ngày 12 tháng 4 năm 2021; số 193/VM-KTDV-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021; số 77A/CV-VM ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG về việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Nhà máy vẫn chưa nhận được phản hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	103.119.961	75.297.032
Các khoản bảo hiểm	6.705.585	-
Nhận ký quỹ, ký cược	28.684.416.280	11.602.738.139
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.369.682.402	5.156.840.064
Tài sản thừa chờ xử lý (i)	19.799.640.922	20.271.884.625
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.586.720.992	1.746.345.808
Cộng	56.550.286.142	38.853.105.668

Ghi chú:

- (i) Tài sản thừa chờ xử lý là hàng tồn kho thừa chưa rõ nguyên nhân phát hiện trong quá trình kiểm kê tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty theo Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Nhà máy ô tô VEAM.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	13.288.000.000.000	6.760.936.162.449	20.048.936.162.449
Lãi trong năm	-	6.253.402.216.678	6.253.402.216.678
Trích lập các quỹ	-	(70.077.756.326)	(70.077.756.326)
Chia cổ tức	-	(6.690.747.184.000)	(6.690.747.184.000)
Tại ngày 31/12/2024	13.288.000.000.000	6.253.513.438.801	19.541.513.438.801
Lãi trong năm	-	7.005.725.411.399	7.005.725.411.399
Trích lập các quỹ (i)	-	(63.849.273.832)	(63.849.273.832)
Chia cổ tức (i)	-	(6.189.656.704.000)	(6.189.656.704.000)
Tại ngày 31/12/2025	13.288.000.000.000	7.005.732.872.368	20.293.732.872.368

Ghi chú:

- (i) Khoản phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 183/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Tờ trình số 1208/TTr-TCNS-TCKT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Quản trị (đã thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024):
- Chia cổ tức số tiền 6.189.656.704.000 VND;
 - Trích quỹ thưởng người quản lý và quỹ khen thưởng người lao động, phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.331.042.339 VND và 62.518.231.493 VND.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.000.000	1.328.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.328.000.000	1.328.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.000.000	1.328.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.328.000.000	1.328.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024), vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.288.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bộ Công Thương	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%
Các đối tượng khác	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%
Cộng	13.288.000.000.000	100%	13.288.000.000.000	100%

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	337.940	231.679

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong năm, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 25 và số 26.

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.678.386.538	14.017.925.477
Doanh thu bán thành phẩm	525.742.537.269	298.410.620.767
<i>Trong đó: Doanh thu bán thành lý xe thông qua đấu giá công khai tại CN Nhà máy Ô tô VEAM (i)</i>	<i>145.810.142.504</i>	<i>-</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.630.884.357	4.381.818.300
Doanh thu khác	699.817.463	49.034.628
Cộng	553.751.625.627	316.859.399.172
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	32.860.374.255	62.974.095.062
Các khoản giảm trừ doanh thu	209.167.370	-
- Hàng bán bị trả lại.	209.167.370	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	553.542.458.257	316.859.399.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Trong năm, Nhà máy đã thực hiện tiêu thụ các lô xe ô tô tồn kho lâu năm thông qua hình thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật và phê duyệt chỉ đạo của Tổng công ty. Hoạt động này được triển khai trên cơ sở các căn cứ pháp lý và phê duyệt của cấp có thẩm quyền, bao gồm: Hội đồng Quản trị (tại Nghị quyết số 125/NQ-HĐQT ngày 01/8/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP); các quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty; các báo cáo, tờ trình của Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM; biên bản họp của Hội đồng xử lý, xác định giá khởi điểm; cùng với chứng thư thẩm định giá do đơn vị thẩm định độc lập phát hành.

Trước khi lên phương án thực hiện bán đấu giá công khai, Tổng Công ty đã có các văn bản gửi các cơ quan liên quan nhằm có các phương án tiêu thụ như: Văn bản số 102/VEAM-KTKH ngày 21/02/2015 của VEAM gửi Bộ Quốc phòng về việc liên kết, cung ứng sản phẩm phục vụ công nghiệp quốc phòng và động viên công nghiệp; Văn bản số 108/VEAM-KD&PTTT ngày 24/02/2025 của VEAM gửi Thương vụ Việt Nam tại Pakistan về việc tìm kiếm đối tác hợp tác với VEAM; Văn bản số 211/VEAM-KD&PTTT ngày 04/4/2025 của VEAM gửi Thương vụ Việt Nam tại Cuba và Vụ Phát triển thị trường nước ngoài (Bộ Công Thương) về việc tìm kiếm đối tác hợp tác với VEAM.

Việc tổ chức thực hiện, xác định giá khởi điểm, lựa chọn phương thức bán cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ liên quan đến quản lý, sử dụng vốn Nhà nước thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, các cấp quản lý của Tổng Công ty, Nhà máy và đã được công bố công khai khi giao dịch, thực hiện xin ý kiến và báo cáo bằng văn bản lên Bộ Công thương. Tổng Công ty đã thực hiện báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước là Bộ Công Thương về phương án và kết quả tiêu thụ xe tồn kho lâu năm tại Nhà máy Ô tô VEAM, bao gồm: Văn bản số 57/VEAM-BPPDVNN ngày 19/8/2025 về việc báo cáo và xin ý kiến đối với phương án tiêu thụ xe tồn kho tại Nhà máy; và Công văn số 83/VEAM-BPPDVNN ngày 31/10/2025 về việc báo cáo kết quả tiêu thụ xe tồn kho lâu năm tại Nhà máy Ô tô VEAM cùng các báo cáo, tờ trình nội bộ kèm theo gửi Bộ Công Thương để phục vụ công tác giám sát và quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, trong năm Nhà máy đã tổ chức 03 đợt đấu giá, cụ thể:

- Đợt 1 (đấu giá lần 08): tổ chức đấu giá 2.071 xe ô tô tồn kho, chia thành 755 lô tài sản, với tổng giá khởi điểm khoảng 430,58 tỷ đồng; kết quả đấu giá thành công 579 xe (207 lô), với tổng giá trị trúng đấu giá khoảng 127,70 tỷ đồng;
- Đợt 2 (đấu giá lần 09): tổ chức đấu giá 1.492 xe ô tô tồn kho, chia thành 552 lô tài sản, với tổng giá khởi điểm khoảng 303,25 tỷ đồng; kết quả đấu giá thành công 890 xe (286 lô), với tổng giá trị trúng đấu giá khoảng 176,74 tỷ đồng;
- Đợt 3 (đấu giá lần 10): tổ chức đấu giá 602 xe ô tô tồn kho, chia thành 250 lô tài sản, với tổng giá khởi điểm khoảng 135,83 tỷ đồng; kết quả đấu giá thành công 165 xe (69 lô), với tổng giá trị trúng đấu giá khoảng 40,76 tỷ đồng.

Kết quả có 1.634 xe đấu giá thành công qua ba đợt đấu giá, trong năm 2025, Nhà máy đã bàn giao 647 xe, số lượng còn lại sẽ được Nhà máy bàn giao cho khách hàng vào năm sau.

Các đợt đấu giá được thực hiện thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch theo quy định hiện hành. Việc thanh lý các lô xe tồn kho lâu năm nhằm mục đích thu hồi vốn, giảm thiểu chi phí lưu kho và hạn chế rủi ro giảm giá, thất thoát vốn nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	4.812.856.240	12.804.389.968
Giá vốn bán thành phẩm	600.001.142.991	256.656.196.264
Trong đó: Giá vốn của thành phẩm xe bán thành lý thông qua đấu giá công khai tại CN Nhà máy Ô tô VEAM (i)	264.862.753.246	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.254.992.189	2.609.531.418
Giá vốn khác	2.334.648.026	1.392.978.341
Các khoản chi phí vượt định mức	19.301.663.497	33.899.365.196
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(117.462.300.239)	(16.822.186.588)
Trong đó: Hoàn nhập của thành phẩm xe bán thành lý thông qua đấu giá công khai tại CN Nhà máy Ô tô VEAM (i)	142.324.820.952	-
Cộng	519.243.002.704	290.540.274.599

Ghi chú:

- (i) Giá trị ghi sổ, dự phòng đã trích lập của lô xe thành phẩm tồn kho lâu năm đã thanh lý (tại Thuyết minh số 25).

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	855.842.282.932	784.696.930.811
Lãi hỗ trợ vốn (i)	500.638.016	9.581.764.438
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.640.025.208.535	5.735.830.852.291
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.260.478.747	1.607.117.406
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.083.078	84.284.685
Cộng	7.497.635.691.308	6.531.800.949.631
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với bên liên quan	6.640.525.846.551	5.745.412.616.729

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa ghi nhận hết lãi hoạt động hỗ trợ vốn của các khoản hỗ trợ vốn cho tất cả các công ty con và công ty liên kết. Lãi hoạt động hỗ trợ vốn phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn trên được Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty xác định và ghi nhận phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của từng công ty con và công ty liên kết với lãi suất từ 0% - 5%/năm.

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng/ (Hoàn nhập) tổn thất các khoản đầu tư tài chính	(10.622.374.036)	(3.834.236.097)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	292.225.131	693.607.908
Cộng	(10.330.148.905)	(3.140.628.189)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	10.022.853.498	6.746.529.204
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	2.742.465.951	1.304.964.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	412.036.347	514.092.012
Trích lập/Hoàn nhập chi phí bảo hành	926.587.319	64.889.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.200.109.588	3.345.578.755
Chi phí bằng tiền khác	5.641.652.676	7.041.112.862
Cộng	24.945.705.379	19.017.167.588
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	126.348.009.635	102.965.333.691
Chi phí vật liệu quản lý	1.375.048.970	1.358.409.843
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	12.038.263.043	11.282.055.686
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	149.045.071.271	(11.204.073.481)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.357.609.013	129.047.249
Chi phí bằng tiền khác	41.644.035.507	15.367.611.436
Cộng	339.808.037.439	153.112.661.527

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	431.949.503	3.534.457.887
Thu nhập khác	1.588.618.939	1.170.831.875
Cộng	2.020.568.442	4.705.289.762

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí khấu hao 305 bộ khuôn dập (Thuyết minh số 15)	26.909.114.370	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.735.625.616	1.735.625.614
Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	20.202.996	441.237.010
Các khoản chi phí khác	222.725.280	5.816.955
Cộng	28.887.668.262	2.182.679.579

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.699.096.732	143.751.892.476
Chi phí nhân công	179.512.265.916	152.411.254.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.156.745.884	48.307.227.674
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	21.844.114.112	(28.000.741.682)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.155.668.538	43.660.722.205
Chi phí khác bằng tiền	51.628.858.358	54.957.895.649
Cộng	622.996.749.540	415.088.250.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế TNDN văn phòng và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	140.515.554.933	132.767.696.322
Thuế TNDN Nhà máy Ô tô VEAM	-	-
Thuế TNDN Nhà máy Đúc VEAM	4.403.486.796	5.483.570.461
Chi phí thuế TNDN hiện hành	144.919.041.729	138.251.266.783

34. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (i)	1.611.550.805	746.296.260

Ghi chú:

(i) Khoản thanh toán và phân bổ thuế hoạt động thể hiện tổng số tiền thuế văn phòng và thuế kho tại các địa điểm sau:

- Khoản thuế Văn phòng tại 90-92 Trần Bình Trọng, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2008 ký ngày 04 tháng 8 năm 2008 và Phụ lục ngày 8/12/2010 với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 20 năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2008. Tiền thuế đã trả một lần là 30.645.000.000 VND.
- Khoản thuế đất và tài sản trên đất tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh theo hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27/09/2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 1/9/2025, đơn giá thuê 1.794.000.000 VND/năm, khoản thuế được gia hạn đến 01 tháng 9 năm 2026.
- Khoản thuế kho tại Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội theo hợp đồng số 1512/HĐ-VEAM-CPLOA ký ngày 15/12/2023 và Phụ lục số 001/2024/VEAM-COLOA ngày 31/12/2024. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa, thời hạn thuê 24,5 tháng đến ngày 31/12/2025, đơn giá thuê 78.540.000 VND/năm.
- Khoản thuế kho tại Khu phố 1, P Bình Đa, Biên Hòa, Đồng Nai theo hợp đồng số 001/HĐ-VEAM/SVEAM/2025 ký ngày 31/12/2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31/12/2025, đơn giá thuê 99.600.000 VND/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 01 năm	354.343.182	1.258.272.727
Cộng	354.343.182	1.258.272.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng	7.892.217.010	12.009.914.471
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	345.150.000	71.400.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	1.470.451.107	976.238.844
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	99.600.000	600.000.000
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	2.162.950.862	2.415.432.928
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	2.926.241.341	376.526.971
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	91.141.200	57.783.928
Công ty Cổ phần Vật tư và thiết bị Toàn Bộ	796.682.500	7.512.531.800
Bán hàng	32.860.374.255	62.974.095.062
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	32.456.289.178	51.706.013.481
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	404.085.077	373.656.677
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	-	5.344.779.505
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	-	5.461.930.399
Công ty CP Cơ khí An Giang	-	87.715.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.640.025.208.535	5.735.830.852.291
Công ty Honda Việt Nam	5.931.764.124.421	5.079.453.599.993
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	1.370.880.000	-
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	18.870.000.000	37.740.000.000
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	20.022.531.498	14.407.500.300
Công ty CP Cơ khí An Giang	15.580.720.000	7.790.360.000
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	541.452.000	541.452.000
Lãi hỗ trợ vốn	500.638.016	9.581.764.438
Công ty CP Cơ khí Vinh	397.078.588	266.622.344
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	33.051.958	51.285.798
Công ty CP NAKYCO	70.507.470	47.342.937
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	-	374.100.174
Công ty CP Matexim Hải Phòng	-	1.346.966.424
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	-	3.416.102.713
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	-	4.079.344.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền chi thanh toán mua hàng	3.993.579.421	10.362.976.788
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	425.423.640	-
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	-	1.794.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư và thiết bị Toàn Bộ	883.534.816	8.326.289.061
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	2.684.620.965	242.687.727
Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.964.388.858	68.131.669.968
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	37.569.388.858	57.197.022.827
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	360.000.000	1.310.983.635
Công ty CP NAKYCO	35.000.000	-
Công ty CP Cơ khí An Giang	-	96.486.500
Công ty CP Cơ khí Phở Yên	-	7.752.852.256
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	-	1.774.324.750
Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia	6.101.101.698.195	6.118.325.474.619
Công ty Honda Việt Nam	5.505.608.862.207	5.461.948.222.321
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	264.129.783.988	261.471.922.012
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	295.000.000.000	334.426.017.986
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	1.370.880.000	-
Công ty CP Cơ khí Phở Yên	18.870.000.000	37.740.000.000
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	-	14.407.500.300
Công ty CP Cơ khí An Giang	15.580.720.000	7.790.360.000
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	541.452.000	541.452.000
Tiền thu lãi hỗ trợ vốn	-	374.100.174
Công ty CP Matexim Hải Phòng	-	374.100.174
Tiền thu gốc hỗ trợ vốn	4.309.942.933	2.864.486.145
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	992.920.000	650.000.000
Công ty CP Vận tải & Thương mại VEAM	1.667.022.933	1.464.486.145
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	300.000.000	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng	1.350.000.000	750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Hội đồng quản trị			
Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.217.600.000	1.157.076.169
Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.743.755.324	1.157.076.169
Nguyễn Thị Hoa	Thành viên HĐQT	1.552.320.000	809.953.330
Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT từ ngày 25/4/2025	1.063.001.735	-
Nguyễn Tiến Vy	Thành viên HĐQT	997.920.002	280.209.822
Trần Thị Nguyệt	Thành viên HĐQT	310.464.000	161.990.663
Phan Kim Khoa	Thành viên HĐQT	396.000.000	280.209.822
Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	-	896.455.087
Phan Phạm Hà	Thành viên HĐQT	-	765.536.346
Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT	-	118.219.159
Ban Tổng Giám đốc và phụ trách kế toán			
Lê Minh Quy	Phó Tổng giám đốc	1.836.300.616	1.496.356.369
Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.775.443.809	1.315.178.507
Lê Công Hoàng	Phó Tổng giám đốc	500.972.546	-
Vũ Phong Hải	Phụ trách kế toán	1.379.301.776	543.134.929
Nguyễn Thị Mai Hương	Kế toán trưởng đến ngày 10/6/2024	-	405.998.251
Ban Kiểm soát			
Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban	1.330.560.000	1.200.899.176
Nguyễn Thị Diên	Thành viên	997.920.002	900.674.381
Lê Thị Thanh Bình	Thành viên	199.584.000	180.134.876
Cộng		17.301.143.810	11.669.103.056

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia: không bao gồm các khoản chênh lệch chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến lãi dự thu, lãi hỗ trợ vốn, cổ tức và lợi nhuận được chia. Vì vậy, số tiền trình bày tại chỉ tiêu “Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia” phản ánh số tiền thực tế thu được trong năm.

Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác: không bao gồm 1.007.447.910 VND là số tiền thu hồi gốc hỗ trợ vốn được bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác:

- (i) Không bao gồm 161.110.694 VND, là số tiền chưa thanh toán tài sản mua trong năm, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp).
- (ii) Bao gồm 191.160.000 VND, là số tiền thanh toán trước cho hợp đồng mua sắm tài sản sẽ nhận bàn giao vào năm sau, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu (Tăng)/giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. THÔNG TIN KHÁC

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan có thẩm quyền.

Các thông tin khác

Tổng Công ty đang thực hiện các kết luận tại Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Kết luận số 3202/KL-BCT ngày 08/5/2019 của Bộ Công Thương về thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác tổ chức cán bộ tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp - CTCP. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo các kết luận và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai đến các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 8, 9, 16), Bản án số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 12) và Bản án số 580/2025/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để có cơ sở đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các bản án nêu trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định định; mua sắm, lắp, yểm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 VND và 16.828.878.687 VND, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 VND và 1.468.609.133 VND. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Ngày 23/01/2024, Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM đã gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội Đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu theo kết quả bản án và tiền lãi chậm trả tương ứng theo nguyên tắc thận trọng do các khoản công nợ phải thu này chưa xác định được thời gian thu hồi (xem tại Thuyết minh số 9 trên đây).

Nhà máy ô tô VEAM đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng số 212/HĐ/TH ngày 18/12/2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m². Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Vũ Phong Hải
Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu